

Phiên bản 1.0

Ngày phát hành: 08/08/2016

Ngày sửa đổi: 08/08/2016

SDS Số: CSSS-TCO-010-120552

**Mục 1 Nhận dạng hỗn hợp và công ty****Nhận dạng sản phẩm:**

Tên thương mại:	Mỡ chịu tải Sinopec EP NLGI 000, 00, 0, 1, 2, 3
Nhận dạng bổ sung:	60090137
Nhận dạng sản phẩm	Xem mục 3
Số chỉ mục:	Không có sẵn
Số đăng ký REACH:	Không có sẵn

**Sử dụng đã được xác định của chất và cách sử dụng đã được khuyến cáo:****Sử dụng đã được xác định:**

Thích hợp cho việc bôi trơn ổ trục ( vòng bi) và bánh răng của thiết bị cơ khí làm việc ở nhiệt độ -20 ° C đến 120 ° C.  
Nó cũng có thể được sử dụng cho hệ thống bôi trơn tập trung

**Khuyến cáo sử dụng:**

Không có sẵn.

**Thông tin chi tiết của nhà cung cấp bằng dữ liệu an toàn:**

Nhà cung cấp (Nhà sản xuất):	SINOPEC LUBRICANT CO., LTD.
Địa chỉ:	Số 6 đường Anning Zhuang West, quận Haidian, Bắc Kinh, Trung Quốc
Người liên lạc (E-mail):	csc.lube@sinopec.com
Điện thoại:	86-400-810-9886
Fax:	86-10-82410856

**Số điện thoại khẩn cấp:**

86-400-810-9886 Chỉ trong giờ hành chính (8:30a.m.-17:30p.m. Múi giờ Bắc Kinh)

Ngoài giờ làm việc?

CÓ

KHÔNG

**Mục 2 Nhận diện nguy hại****Phân loại hợp chất:**

Phân loại GHS

Không được phân loại

**Các yếu tố trên nhãn:**

Hình đồ nguy hiểm:

Không sử dụng hình đồ cảnh báo nguy hiểm.

Từ tín hiệu:

Không có từ tín hiệu được sử dụng.

Báo cáo nguy hiểm:

Không áp dụng

Thông báo phòng ngừa:

Không áp dụng.

**Độc hại khác:**

Không có sẵn.

**Mục 3 Thành phần / Thông tin về các thành phần**

Chất / hỗn hợp: Hỗn hợp

**Các thành phần:**

Tên hóa học	Số đăng ký	Số CAS	Số EC	Nồng độ
Dầu gốc	N/A	Hỗn hợp	Hỗn hợp	75-88%
Chất làm đặc	N/A	Hỗn hợp	Hỗn hợp	5-20%
Phụ gia	N/A	Hỗn hợp	Hỗn hợp	<8%

**Mục 4 Biện pháp sơ cứu****Mô tả các biện pháp sơ cứu:**

Trong tất cả các trường hợp nghi ngờ, hoặc khi các triệu chứng vẫn còn, tìm kiếm sự chăm sóc y tế.

**Trường hợp hít phải:**

Đưa nạn nhân ra khu vực có không khí trong lành và cung cấp oxy. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế.

**Trường hợp tiếp xúc với da:**

Rửa da với nước, sau đó rửa bằng xà phòng và nước. Tìm kiếm chăm sóc y tế.

**Trường hợp tiếp xúc mắt:**

Xối rửa với nước trong 15 phút. Nếu tình trạng kích ứng xảy ra, tìm kiếm chăm sóc y tế.

**Trường hợp nuốt phải:**

Không cố nôn ra. Tìm kiếm chăm sóc y tế.

**Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính:**

Sản phẩm không được phân loại là có hại cho sức khỏe con người.

**Chỉ định sự chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết:**

Nếu da bị kích ứng hoặc phát ban, hãy tiếp nhận tư vấn / chăm sóc y tế.

**Mục 5 Biện pháp chữa cháy****Phương tiện dập lửa:****Phương tiện dập lửa thích hợp:**

Sử dụng Carbon dioxide dạng nước, bột, hóa chất khô và sương mù nước.

**Phương tiện dập tắt lửa không phù hợp:**

Nước.

**Các mối nguy hiểm đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp**

Trong trường hợp khói, carbon monoxit, oxit lưu huỳnh, aldehyde và các sản phẩm phân hủy khác đốt cháy không hoàn toàn.

**Các phương pháp chữa cháy đặc biệt và các hoạt động bảo vệ đặc biệt cho các nhân viên chữa cháy:**

Nhân viên chữa cháy phải mang thiết bị mặt nạ thở khi ở gần điểm đánh lửa trong không gian hạn chế

**Mục 6 Các biện pháp giảm nhẹ tai nạn****Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và các thủ tục khẩn cấp:****Không khẩn cấp:**

Mang thiết bị bảo hộ cá nhân thích hợp khi dọn dẹp sản phẩm bị tràn.

**Khẩn cấp:**

Mang dụng cụ hô hấp được NIOSH / MSHA chứng nhận nếu hơi được tạo ra.

**Phòng ngừa môi trường:**

Không cho phép vật liệu được thải ra môi trường nếu không có giấy phép của chính phủ.

**Các biện pháp để ngăn chặn và dọn dẹp:**

Đối với sự cố tràn lớn: Gỡ bỏ bằng xe tải hoặc máy bơm chân không vào các thùng chứa / cứu hộ.

Đối với những sự cố tràn nhỏ: Ngâm chất thải bằng chất hấp thụ như đất sét, cát

hoặc các vật liệu thích hợp khác. Đặt trong bao bì không rò rỉ và niêm phong chặt chẽ để xử lý đúng cách.

**Tham khảo các phần khác:**

Xem Mục 7 để biết thông tin về cách xử lý an toàn.

Xem Mục 8 để biết thông tin về thiết bị bảo vệ cá nhân.

Xem Mục 13 để biết thông tin về việc thải bỏ.

**Thông tin bổ sung:**

Không áp dụng.

## Mục 7 Xử lý và bảo quản

**Thận trọng trong việc bảo quản:**

**Biện pháp bảo vệ:**

Tránh tiếp xúc với da và mắt. Áp dụng các biện pháp phòng cháy chữa cháy thông thường.

**Khuyến cáo về vệ sinh lao động nói chung:**

Không ăn, uống và hút thuốc trong khu vực làm việc. Rửa tay sau khi sử dụng. Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và thiết bị bảo hộ trước khi đi vào khu ăn uống.

**Điều kiện bảo quản an toàn, bao gồm bất kỳ sự không tương thích nào:**

Không cất giữ trong các thùng chứa mở hoặc không dán nhãn. Lưu trữ ở khô ráo, thoáng mát với thông gió đầy đủ. Tránh xa ngọn lửa và nhiệt độ cao. Các vật chứa rỗng giữ lại cặn (chất lỏng và/hoặc hơi) và có thể gây nguy hiểm. Không tạo áp lực, cắt, hàn, hàn đồng, hàn, khoan, mài hoặc để các vật chứa đó tiếp xúc với nhiệt, lửa.

**Sử dụng cụ thể:**

Không áp dụng.

## Mục 8 Kiểm soát phơi nhiễm / Bảo vệ cá nhân

**Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp (OEL):**

**Không có giới hạn tiếp xúc nào được ghi nhận đối với (các) thành phần**

**Kiểm soát phơi nhiễm:**

**Kiểm soát kỹ thuật phù hợp:**

Sử dụng ở nơi thoáng mát

**Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như thiết bị bảo vệ:**

**Bảo vệ mắt/mặt:**

Kính an toàn hoá chất, hoặc Kính an toàn với mặt nạ bên.

**Bảo vệ tay:**

Sử dụng găng tay bảo vệ kháng vật liệu này.

**Bảo vệ thân thể:**

Sử dụng quần áo bảo vệ và giày dép có tính kháng hóa học đối với vật liệu này.

**Bảo vệ hô hấp:**

Nếu các kiểm soát kỹ thuật không duy trì nồng độ không khí ở một mức độ đủ để bảo vệ sức khỏe của công nhân, phải đeo mặt nạ phòng độc đã được phê duyệt.

**Độc hại từ nhiệt:**

Mang quần áo bảo hộ phù hợp để tránh nóng.

**Kiểm soát môi trường phơi nhiễm:**

Tránh thải vào môi trường.

Theo quy định của địa phương, liên bang và các quy định chính thức.

## Mục 9 Tính chất lý hóa

**Thông tin về các tính chất vật lý và hóa học cơ bản:**

**Bề ngoài:**

Dạng bột

**Màu:**

Vàng nhạt đến nâu mịn

**Mùi:**

Không mùi gì đặc biệt

**Ngưỡng mùi:**

Không có sẵn

**pH:**

Không có sẵn

**Khoảng/điểm tan chảy (°C):**

Không có sẵn

**Khoảng/điểm sôi (°C):**

Không có sẵn

**Điểm chớp cháy (°C):**

Không có sẵn

Tốc độ bay hơi:	Không có sẵn
Giới hạn khả năng cháy - thấp hơn (%):	Không có sẵn
Khả năng cháy (Rắn, khí đốt):	Không có sẵn
Nhiệt độ đánh lửa (°C):	Không có sẵn
Giới hạn cháy / nổ cao hơn / thấp hơn:	Không có sẵn
Áp suất hơi (20°C):	Không có sẵn
Nồng độ hơi:	Không có sẵn
Nồng độ:	Không có sẵn
Mật độ lớn (kg/m <sup>3</sup> ):	Không có sẵn
Độ tan trong nước (g/l):	Không có sẵn
n-Octanol/ Nước (log Po/w):	Không có sẵn
Nhiệt độ tự bốc cháy:	Không có sẵn
Nhiệt độ phân hủy:	Không có sẵn
Độ nhớt (mPa.s):	Không có sẵn
Tính chất nổ:	Không có sẵn
Tính chất oxy hóa:	Không có sẵn
Công thức phân tử:	Không có sẵn
Trọng lượng phân tử:	Không có sẵn

#### Thông tin khác:

Độ tan của chất béo (dung môi dầu được chỉ định), vv:	Không có sẵn
Sức căng bề mặt:	Không có sẵn
Tách liên tục trong nước ( pKa):	Không có sẵn
Khả năng oxy hoá giảm:	Không có sẵn
Trọng lượng riêng:	Không có sẵn
Loại:	No. 0
Độ xuyên kim 0.1mm	355~385
Điểm nhỏ giọt °C	≥170

### Mục 10 Tính ổn định và phản ứng

<b>Phản ứng:</b>	Chất này ổn định trong điều kiện bảo quản và vận chuyển thông thường.
<b>Ổn định hóa học:</b>	Ổn định ở nhiệt độ phòng trong các bình chứa kín ở điều kiện bảo quản và vận chuyển bình thường.
<b>Khả năng phản ứng nguy hiểm:</b>	Không có phản ứng nguy hiểm nào được ghi nhận.
<b>Điều kiện cần tránh:</b>	Vật liệu không tương thích. Nhiệt độ cao và nguồn năng lượng cao của đánh lửa và các chất oxy hóa mạnh.
<b>Vật liệu không tương thích:</b>	Chất oxy hóa mạnh.
<b>Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:</b>	Khói, carbon monoxit, oxit lưu huỳnh, aldehyde, oxit nitơ, phosphat, các oxit kim loại nhất định và các sản phẩm phân hủy khác, trong trường hợp đốt cháy không hoàn toàn.

### Mục 11 Thông tin về độc tính

#### Độc tố, chuyển hóa và phân phối:

Dữ liệu độc tính không phải con người: Không có sẵn

#### Thông tin về các ảnh hưởng độc hại:

Độc tính cấp tính:

LD50(Miệng, Chuột): > 5000 mg/kg bw

LD50(Da, Chuột): Không có sẵn

LC50(Hít phải, chuột): > 10000 mg/m<sup>3</sup> bw

Ăn mòn da / Kích thích: Không phân loại

Hư hỏng / kích ứng mắt nghiêm trọng: Không phân loại

Nhạy cảm đường hô hấp: Không phân loại

Khả năng gây đột biến tế bào mầm: Không phân loại

Tính gây ung thư: Không phân loại

Độc tính sinh sản: Không phân loại

STOT- Tiếp xúc đơn: Không phân loại

STOT- tiếp xúc lặp đi lặp lại: Không phân loại

Nguy hiểm khi hít vào: Không phân loại

### Mục 12 Thông tin sinh thái

Độc tính:

Độc tính cấp tính		Thời gian	Loài	Phương thức	Đánh giá	Ghi chú
LC50	N/A	96h	Cá	OECD 203	N/A	N/A
EC50	N/A	48h	Chi rận nước	OECD 202	N/A	N/A
EC50	N/A	72h	Tảo	OECD 201	N/A	N/A

Tính bền bỉ và khả năng phân hủy: Sản phẩm này dự kiến sẽ có khả năng phân hủy sinh học.

Khả năng tích lũy sinh học:

Sự tích lũy sinh học không có khả năng xảy ra do sự tan trong nước của sản phẩm này; Do đó Sinh Khả Dụng đối với sinh vật thủy sinh là tối thiểu.

Tính di động trong đất:

Khi được thải ra môi trường, việc hấp phụ trầm tích và đất sẽ là hành vi chiếm ưu thế.

Kết quả đánh giá PBT&vPvB:

Không có sẵn

Tác dụng phụ khác:

Không có sẵn.

### Mục 13 Cân nhắc thải bỏ

Các phương pháp xử lý chất thải:

Vật liệu nên được xử lý bằng cách đốt trong lò đốt hóa chất phù hợp với yêu cầu của quốc gia và khu vực.

Xử lý sản phẩm / bao bì:

Nếu container rỗng giữ lại dư lượng sản phẩm, phải tuân thủ tất cả các biện pháp phòng ngừa trên nhãn. Trả lại để tái sử dụng hoặc tiêu hủy theo các quy định của quốc gia hoặc địa phương.

### Mục 14 Thông tin vận chuyển

	Vận chuyển đất liền (ADR/RID)	Vận chuyển đường biển (IMDG)	Vận chuyển hàng không (ICAO/IATA)

<b>Số UN</b>	Không quy định	Không quy định	Không quy định
<b>Tên vận chuyển đúng của UN</b>	Không quy định	Không quy định	Không quy định
<b>Phân loại độc hại khi vận chuyển</b>	Không quy định	Không quy định	Không quy định
<b>Nhóm đóng gói</b>	Không quy định	Không quy định	Không quy định
<b>Độc hại môi trường</b>	Không	Không	Không
<b>Đề phòng đặc biệt cho người sử dụng</b>	Xem mục 2.2	Xem mục 2.2	Xem mục 2.2
<b>Vận chuyển hàng rời theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và Mã IBC</b>	Không quy định	Không quy định	Không quy định

## Mục 15 Thông tin quy định

Các quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất hoặc hỗn hợp:

**Kiểm soát thuốc phiện ( Đạo luật chống lạm dụng ma túy, Mục đầu tiên, Phần I,II,III)**

Không quy định

**Kiểm soát chất ma túy cụ thể ( Đạo luật chống lạm dụng ma túy, Mục 4)**

Không quy định

**Các chất được chấp thuận trước ( Đạo luật quản lý và bảo vệ môi trường, Mục 2, phần 1, 01/07/2023)**

Không quy định

**Cấm sử dụng với vũ khí hoá học**

Không áp dụng

**Quy định quản lý và bảo vệ môi trường ( những chất độc hại)**

Không áp dụng

**Đạo luật sức khỏe môi trường công cộng**

Không áp dụng

**Quy định quốc tế**

**Nghị định thư Montreal**

Không áp dụng.

**Công ước Stockholm**

Không áp dụng.

**Công ước Rotterdam**

Không áp dụng.

**Nghị định thư Kyoto**

Không áp dụng.

**Công ước Basel**

Không áp dụng.

**Lưu kho quốc tế**

<b>Quốc gia/ Khu vực</b>	<b>Tên bảng kê tồn kho</b>	<b>Tồn kho ( yes/no)</b>
Australia	Australian Inventory of Chemical Substances (AICS)	Không
Canada	Domestic Substances List (DSL)	Không
Canada	Non-Domestic Substances List (NDSL)	Không
Trung Quốc	Inventory of Existing Chemical Substances in China (IECSC)	Không

Châu Âu	European Inventory of Existing Commercial Chemical Substances (EINECS)	Không
Châu Âu	European List of Notified Chemical Substances (ELINCS)	Không
Nhật Bản	Inventory of Existing and New Chemical Substances (ENCS)	Không
Hàn Quốc	Existing Chemicals List (ECL)	Không
New Zealand	New Zealand Inventory	Không
Philippines	Philippine Inventory of Chemicals and Chemical Substances (PICCS)	Không
Mỹ và Puerto Rico	Toxic Substances Control Act (TSCA) Inventory	Không

\*"Có" cho biết rằng tất cả các thành phần của sản phẩm này tuân thủ các yêu cầu về hàng tồn kho do (các) cơ quan quản lý quốc gia "Không" cho biết rằng một hoặc nhiều thành phần của sản phẩm không được liệt kê hoặc được miễn liệt kê trong việc lưu kho được quản lý bởi cơ quan quản lý quốc gia.

## Mục 16 Thông tin khác

### Thông tin thêm:

Thông tin này được dựa trên kiến thức hiện tại của chúng tôi. Bảng thông tin an toàn này đã được biên soạn và chỉ dành cho sản phẩm này.

### Ghi chú với người đọc:

Người sử dụng lao động chỉ nên sử dụng thông tin này như là một bổ sung cho các thông tin khác do họ thu thập và nên đánh giá độc lập về sự phù hợp của thông tin này để đảm bảo sử dụng hợp lý và bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của nhân viên. Thông tin này được cung cấp không có bảo hành, và bất kỳ việc sử dụng sản phẩm nào không phù hợp với Tài liệu An toàn này, hoặc kết hợp với bất kỳ sản phẩm hoặc quy trình khác, là trách nhiệm của người sử dụng.

Tác giả: Hangzhou CIRS Co., Limited      Website: [www.cirs-group.com](http://www.cirs-group.com)      Tel: 0571-87206555      Email: [info@cirs-group.com](mailto:info@cirs-group.com)